TAND HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2018.
V/v: Hôn nhân và Gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.
Các hội thâm nhân dân:
1. Ông Triệu Đình Giáp;
2. Bà Trần Thị Hồng Thúy.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2016/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2016 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Bích H - Sinh năm 1982.
Nơi đăng ký HKTT: Xóm HT, thị trấn TC, huyện Đ, Thái Nguyên.
Nơi cư trú: Số 167, tổ 9, phường PĐP, thành phố Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Mà Công K - Sinh năm 1979.
Địa chỉ: Thôn TV, xã BY, huyện Đ, Thái Nguyên.
(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội.
Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Tổng giám đốc.
Đại Diện theo ủy quyền: Ông Ma Đình L – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.
(Theo văn bản ủy quyền thường xuyên tại Quyết định số 140/QĐ-NHCS ngày 16/4/2012 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách Xã hội).
(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị và anh Ma Công K tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ ngày 01/12/2007, trước khi tổ chức lễ cưới được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, tuy nhiên anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến nay chị cũng không có yêu cầu đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh

phúc, nhưng sau đó đến khoảng năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K nhiều lần xúc phạm chị và gia đình chị, chị đã tha thứ nhiều lần nhưng anh K không thay đổi. Đến tháng 7/2015, vì mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng nên chị đã về nhà mẹ đẻ sống, kể từ đó đến nay hai vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn tình cảm gì. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Bích H xác định vợ chồng có 02 con chung là: Ma Công K – Sinh ngày 23/01/2009 và Ma Hoàng Lê N – Sinh ngày 01/3/2014. Trường hợp ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị H đề nghị anh K đóng góp nuôi dưỡng con chung với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ 1 con chung/ 1 tháng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Bích H khai tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Chị Hoàng Thị Bích H khai vợ chồng có nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn), vay từ ngày 24/4/2015, thời hạn trả nợ là ngày 24/4/2018, lãi xuất 0,8%/1 tháng. Đối với khoản nợ trên, chị H đồng ý trả một nửa số nợ là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn) và lãi xuất trên số tiền chị trả.

Bị đơn anh Ma Công K vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, anh Kỳ xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K xác định thời gian tổ chức lễ cưới, chung sống từ ngày 01/12/2007, mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm sống ly thân từ tháng 7/2015 cũng như vợ chồng anh chị không có đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng, đến nay anh cũng không yêu cầu được đăng ký kết hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Ma Công K xác định vợ chồng có 02 con chung là: Ma Công K – Sinh ngày 23/01/2009 và Ma Hoàng Lê N– Sinh ngày 01/3/2014. Khi ly hôn, anh K đồng ý giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh K nhất trí đóng góp nuôi dưỡng con chung với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ 1 con chung/ 1 tháng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Anh Ma Công K khai tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Ma Công K xác định vợ chồng có nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn), vay từ ngày 24/4/2015, thời hạn trả nợ là ngày 24/4/2018, lãi xuất 0,8%/1 tháng. Đối với khoản nợ trên, anh K đồng ý trả một nửa số nợ là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn) và lãi xuất trên số tiền anh phải trả tại thời điểm thanh toán.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, xác định:

Ngày 24/4/2015, Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên có ký hợp đồng tín dụng với khách hàng Ma Công K - Sinh

năm 1979; Địa chỉ: Xóm TV, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, số tiền vay là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay: 36 tháng (đến ngày 24/4/2018), mức lãi xuất là 0,8%/ 1 tháng.

Trường hợp chị Hoàng Thị Bích H và anh Ma Công K ly hôn, Phía Ngân hàng Chính sách xã hội nhất trí với ý kiến của chị H và anh K về việc trả khoản nợ trên cho phía Ngân hàng, cụ thể như sau: Chị Hoàng Thị Bích H và anh Ma Công K mỗi người có trách nhiệm trả khoản tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn) và lãi xuất trên số tiền phải trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng các đương sự không có mặt đầy đủ tại các phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Chị Hoàng Thị Bích H và anh Ma Công K không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh K có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, chị Hồng giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án, giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Ma Công K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy đình của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Định Hóa về đường lối giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân, đại diện VKSND huyện Định Hóa đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đề nghị HĐXX không công nhận chị Hoàng Thị Bích Hồng và anh Ma Công Kỳ là vợ chồng.

Về con chung: Giao 02 con chung là Ma Công K – Sinh ngày 23/01/2009 và Ma Hoàng Lê N – Sinh ngày 01/3/2014 cho chị Hoàng Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Ma Công K phải có trách nhiệm đóng góp nuôi dưỡng con chung với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ 1 con chung/ 1 tháng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về công nợ chung: Buộc chị Hoàng Thị Bích H và anh Ma Công K mỗi người có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn) và lãi xuất trên số tiền phải trả tương ứng với thời gian vay.

Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị Bích H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Buộc anh Ma Công K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng và 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung trong đó cả nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Ma Công K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Ngân hàng Chính sách xã hội, đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Đình L – Chức vụ Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện Định Hóa được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Bích H và anh Ma Công K chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương từ ngày 01/12/2007, tuy nhiên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến nay cũng không có yêu cầu đăng ký kết hôn. Do vậy không được công nhận là hôn nhân hợp pháp, không được công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống, chị H và anh K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, điều đó thể hiện sự thiếu tin tưởng vào nhau trong cuộc sống.Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận đơn xin lý hôn của chị H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn nên HĐXX thấy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Hoàng Thị Bích H và anh Ma Công K là vợ chồng.

Về con chung: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên.

Xét yêu cầu được nuôi con của chị Hồng, HĐXX xét thấy: Chị H và anh K đều có việc làm, có thu nhập. tại các biên bản làm việc và đơn đề nghị, anh K nhất trí giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Ma Công K cũng có nguyện vọng muốn được ở với chị H. Xét đề nghị của chị H và anh K và ý kiến của cháu K cũng như các yếu tố đảm bảo cho cuộc sống sinh hoạt, học tập và sự phát triển của các cháu tốt nhất. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị H. Căn cứ vào Điều 15, 16, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu K và cháu N đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của cháu K và cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét yêu cầu của chị H yêu cầu anh K đóng góp nuôi dưỡng con chung với mức 1.000.000^{đ} (Một triệu đồng)/ 1 con chung/ 1 tháng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Quá trình giải quyết vụ án, anh K nhất trí đóng góp nuôi dưỡng con chung với mức 1.000.000^{đ} (Một triệu

đồng)/ 1 con chung/ 1 tháng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). HĐXX xét thấy: Quan điểm về mức đóng góp nuôi dưỡng con chung của H và anh K là thống nhất với nhau, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của các bên. Do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị H. Căn cứ vào Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh Ma Công K đóng góp nuôi dưỡng con chung với mức chung 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ 1 con chung/ 1 tháng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu phân chia tài sản chung nên HĐXX không xem xét, nếu sau này các dương sự có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh K xác định có nợ chung tại Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn), vay từ ngày 24/4/2015, thời hạn trả nợ là ngày 24/4/2018, lãi xuất 0,8%/1 tháng. Chị H và anh K đều đề nghị về việc trả nợ như sau: Chị Hoàng Thị Bích H và anh Ma Công K mỗi người có trách nhiệm trả nợ số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn) nợ gốc và lãi xuất trên số tiền phải trả tại thời điểm thanh toán. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách cũng xác định anh K có vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn), vay từ ngày 24/4/2015, thời hạn trả nợ là ngày 24/4/2018, lãi xuất 0,8%/1 tháng, chị Hoàng Thị Bích Hồ là thành viên trong hộ gia đình. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách nhất trí với phương án chị Hoàng Thị Bích H và anh Ma Công K mỗi người có trách nhiệm trả nợ số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn) nợ gốc và lãi xuất trên số tiền phải trả tại thời điểm thanh toán. HĐXX xét thấy chị Hoàng Thị Bích Hồ và anh Ma Công K mỗi người có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn) và lãi xuất trên số tiền phải trả theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Chính sách tại thời điểm thanh toán là phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị Bích H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Anh Ma Công K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng và 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, 470, Điều 357 của Bộ luật dân sự. Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 14, 15,16 , 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10 ngày 27/ 02/ 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hoàng Thị Bích H và anh Ma Công K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ma Công K – Sinh ngày 23/01/2009 và Ma Hoàng Lê N – Sinh ngày 01/3/2014 cho đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Ma Công K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hàng tháng anh Ma Công K có trách nhiệm đóng góp nuôi dưỡng con chung với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ 1 con chung/ 1 tháng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Bích H và anh Ma Công K tự thỏa thuận phân chia, vì vậy không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung:

- Chị Hoàng Thị Bích H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn) và lãi xuất trên số tiền phải trả tại thời điểm thanh toán theo hợp đồng ký kết ngày 24/4/2015 với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Định Hóa.

- Anh Ma Công K có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng chẵn) và lãi xuất trên số tiền phải trả tại thời điểm thanh toán theo hợp đồng ký kết ngày 24/4/2015 với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Định Hóa.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền cho thì hàng tháng bên có nghĩa vụ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

Chị Hoàng Thị Bích H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước, tổng cộng là 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017730, ngày 27/4/2016 Chị Hồng tiếp tục phải thi hành 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Anh Ma Công K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng và 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước, tổng cộng là 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *Toà án nhân dân tỉnhTN;*
- *VKSND huyện Định Hoá;*
- *Chi cục THADS huyện Định Hóa;*
- *UBND thị trấn TC;*
- *UBND xã BY;*
- *Các đương sự;*
- *lưu HS.*

Trần Thiện Hoàng